

Số: 35 /QĐ-BVĐK

Bắc Kạn, ngày 13 tháng 01 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai dự toán thu sự nghiệp, chi ngân sách nhà nước năm 2022

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH BẮC KẠN

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ quyết định số 2383/QĐ- UBND ngày 28 tháng 11 năm 2019 của UBND tỉnh Bắc Kạn về việc giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính đối với Bệnh viện đa khoa tỉnh Bắc Kạn, trực thuộc Sở Y tế Bắc Kạn (giai đoạn 2020 - 2022);

Căn cứ Quyết định số 1472/QĐ-SYT ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Giám đốc Sở Y tế tỉnh Bắc Kạn về việc giao dự toán thu sự nghiệp, chi ngân sách nhà nước năm 2022;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài chính kế toán.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai dự toán thu sự nghiệp, chi ngân sách nhà nước năm 2022 của Bệnh viện đa khoa tỉnh Bắc Kạn cụ thể như sau:

(Có phụ lục chi tiết kèm theo)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các Ông(Bà) Trưởng phòng Tổ chức - Hành chính, Trưởng phòng Kế hoạch tổng hợp, Trưởng phòng Tài chính kế toán và trưởng các phòng, khoa liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./

Nơi nhận:

Gửi bản điện tử:

- Như điều 3 (Thực hiện);
- Sở Y tế tỉnh Bắc Kạn (Báo cáo);
- BGĐ bệnh viện (4);
- Phòng KHTH (Công khai trên trang TTĐT);

Gửi bản giấy:

- Phòng Tài chính kế toán;
- Lưu VT



Trần Văn Tuyền

Phụ lục


CÔNG BỐ CÔNG KHAI DỰ TOÁN THU SỰ NGHIỆP, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2022
(Kèm theo QĐ số 35/QĐ-BVĐK ngày 13/01/2022 của GD BVĐK tỉnh Bắc Kạn)

Triệu đồng

Nội dung	Số tiền
A	1
I. THU SỰ NGHIỆP	130,000
1. Các khoản thu	130,000
1.1. Thu phí	-
1.2. Thu dịch vụ, thu khác	130,000
Dịch vụ khám chữa bệnh	127,000
Thu dịch vụ khác	3,000
2. Chi từ nguồn phí để lại, nguồn thu dịch vụ và nguồn thu khác	129,940
3 Số kinh phí nộp ngân sách	60
4, Giao trích CCTL theo quy định (Phần kinh phí này chưa giảm trừ NSNN, giao kế hoạch thực hiện)	2,894
II. DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH	11,090
A. CHI HOẠT ĐỘNG	11,090
1. Giáo dục, đào tạo, dạy nghề (423.070)	2,534
1.1. Kinh phí thường xuyên (423.070.092)	
1.2. Kinh phí không thường xuyên	2,534
- Giáo dục sau đại học (423.070.082)	1,233
- Đào tạo lại, bồi dưỡng nghiệp vụ khác (423.070.085)	1,301
+ Đào tạo ca cấp	360
+ Đào tạo theo chương trình 1816	575
+ liên tục và đào tạo lại cán bộ	366
2. Quản lý hành chính (423.340.341)	
3. Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình (423.130)	8,556
3.2. Hoạt động khám chữa bệnh (423.130.132)	8,516
3.2.1. Kinh phí thường xuyên	8,446
3.2.2. Kinh phí không thường xuyên	70
- Kinh phí sửa chữa xe ô tô	70
3.3. Hoạt động Y tế khác (423.130.139)	40
3.3.1. Kinh phí thường xuyên	-
3.3.2. Kinh phí không thường xuyên	40

Ghi chú: Hạch toán mã DP 200

- Đã giảm trừ tiết kiệm 12% chi thường xuyên; Đã giảm trừ chi thường xuyên để trích nộp Quỹ TĐKT ngành Y tế: 322 triệu đồng

- Kinh phí thực hiện nhiệm vụ:

+ Kinh phí Đào tạo sau đại học: 1233 triệu đồng;

+ Kinh phí Đào tạo ca/kíp: 360 triệu đồng;

+ Kinh phí Đào tạo theo chương trình 1816: 575 triệu đồng

+ Kinh phí chưa giao kế hoạch thực hiện: 8944 triệu đồng

+ Kinh phí Đào tạo liên tục và đào tạo lại cán bộ: 366 triệu đồng

+ Kinh phí sửa xe ô tô 97A-0448: 70 triệu đồng

+ Kinh phí Phòng chống cháy nổ: 40 triệu đồng;